TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST
Ngày 23 – 4 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đỗ Thanh Ngọc.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Như Vũ và bà Nguyễn Thị Liên.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Vũ Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2020/HSST ngày 17 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1981.

HKTT: Thôn Guột, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1948; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, con: Có 03 con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, có mặt tại phiên toà.

* Bị hại: Anh Doãn Thế Á, sinh năm 1971; HKTT: thôn Yên Lâm, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; HKTT: Thôn Guột, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2011, bị cáo Nguyễn Hữu Q có quen biết với anh Doãn Thế T, sinh năm 1978; HKTT: Thôn Yên Lâm, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh do làm cùng trong trường Trung cấp kinh tế kỹ thuật Bắc Ninh. Sau đó, Q nghỉ việc nhưng thỉnh thoảng Q và anh T vẫn ngồi uống nước với nhau. Quá trình ngồi

uống nước Q có giới thiệu với anh T là Q đang làm tại ngân hàng Vietcombank, chi nhÁ tỉnh Bắc Ninh và có thể xin việc cho người khác vào làm tại Ngân hàng Vietcombank.

Đến khoảng tháng 10/2013, gia đình anh T có việc nên mời Q tới nhà ăn cơm. Tại nhà anh T, khi nói chuyện với anh T và ông Doãn Thế Đ, sinh năm 1968 là bố đẻ anh Doãn Thế Đ, sinh năm 1990 cùng HKTT: Thôn Yên Lâm, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, Q nói có bố nuôi là ông Ích - Giám đốc Ngân hàng Vietcombank tỉnh Bắc Ninh và có thể xin cho Đ vào làm tại Ngân hàng Vietcombank Bắc Ninh nên ông Đ đã nhờ Q xin việc cho anh Đ vào làm tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhÁ Bắc Ninh. Ông Đ cũng nhờ anh Doãn Thế Á là em trai ông Đ đứng ra lo việc cho anh Đ.

Sau đó, Q đi xuống nhà anh Doãn Thế Á ở thôn Yên Lâm, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh là chú ruột của Đ để nói chuyện về nội dung xin việc cho anh Đ. Tại đây, Q có nói nếu xin được vào làm tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhÁ Bắc Ninh thì chi phí khoảng 170.000.0000 đồng đến 250.000.000 đồng. Anh Á đồng ý với yêu cầu của Q và nói với Q nếu xin được việc thì mọi chi phí anh Á sẽ lo.

Khoảng mấy ngày sau Q có nhờ anh T thông báo cho anh Á chuẩn bị số tiền 70.000.000 đồng đưa cho Q để Q đi lo việc trước nên anh Á cùng với anh Đ đã mang số tiền 70.000.000 đồng đến quán cà phê Trung Đường thuộc phường Suối Hoa, thành phố B dưới sự chứng kiến của anh T. Sau đó, theo yêu cầu của Q, anh Á tiếp tục 05 lần đưa tiền cho Q. Cụ thể: Tháng 11, 12/2013 mỗi lần anh Á đều đưa Q số tiền 40.000.000 đồng tại quán cà phê Hương trên địa bàn thị trấn P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; tháng 2/2014 anh Á đưa Q số tiền 50.000.000 đồng tại quán cà phê trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; tháng 4/2014 anh Á đưa Q số tiền 30.000.000 đồng tại quán gà rán của vợ chồng anh Đ tại xã Phượng Mao, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh dưới sự chứng kiến của anh Đ; tháng 5/2014 Q điện cho anh Á bảo mọi chuyện đã lo xong rồi và bảo anh Đ đưa tiếp 40.000.000 đồng tiền cổ phần của Q trong ngân hàng, khi nào anh Đ đi làm thì số tiền đó sẽ chuyển lại cho anh Đ nên anh Á đã mang 40.000.000 đồng đến quán cà phê gần bệnh viện 108 thành phố Hà Nội đưa cho Q. Tổng số tiền anh Á sau 06 lần đưa trực tiếp cho Q là 270.000.000 đồng để Q xin việc cho Đ vào làm tại Ngân hàng Vietcombak chi nhánh Bắc Ninh.

Cuối năm 2014, anh Á không thấy anh Được được gọi đi làm và biết Q không xin được việc cho anh Được nên anh Á có đến gặp và đòi lại Q số tiền 270.000.000 đồng. Đến cuối năm 2014, Q đã trả lại cho anh Á 30.000.000 đồng. Đến ngày 27/6/2018 tại nhà anh Á, Q đã viết một giấy cam kết có nội dung thừa nhận hành vi lừa đảo của Q và cầm tổng số tiền của anh Á là 270.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2019 anh Á đã giao nộp giấy cam kết Q viết cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Kết quả điều tra xác minh tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh kể từ khi thành lập năm 2004 đến nay không có nhân viên nào tên Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1981; HKTT: Thôn Guột, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Trong năm 2013, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Ninh có đợt tuyển dụng nhân viên vào tháng 9/2013. Tuy nhiên, quá trình tuyển dụng nhân viên được thực hiện theo quy định số 66/QĐ-NHNT.TVVBĐT ngày 14/2/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành quy định tuyển dụng lao động trong hệ thống Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và văn bản hướng dẫn cụ thể năm 2013 theo bước sau: Thông báo tuyển dụng; Nhận hồ sơ dự tuyển (Ứng viên trực tiếp nộp hồ sơ); Sơ loại hồ sơ; Thi viết; Phỏng vấn; Ký hợp đồng thử việc. Hết thời gian thử việc là 30 hoặc 60 ngày nếu nhân viên được đánh giá đạt yêu cầu thì cán bộ sẽ được chuyển sang ký hợp đồng lao động 12 tháng và việc thi tuyển vào Vietcombank hoàn toàn khách quan vào thực lực của thí sinh nên không mất bất kỳ loại phí nào.

Ngày 06/10/2019 Công an thành phố B đã khởi tố vụ án. Ngày 08/10/2019 Nguyễn Hữu Q đã đến Công an thành phố B đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được.

Tại bản kết luận giám định số 132/KLGĐTL – PC09 ngày 12/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: Chữ viết và chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Q trên tài liệu cần giám định là Giấy biên nhận ghi ngày 27/6/2018 (ký hiệu A) so với chữ viết của Nguyễn Văn Q trên tài liệu mẫu so sÁ là bản tường trình, ghi ngày 02/8/2019 của Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1981,ở thôn Guột, V, Q, Bắc Ninh (ký hiệu M1) và so với bản mẫu chữ ký của Nguyễn Hữu Q (ký hiệu M2) là do cùng một người viết và ký ra.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 40/CT-VKSTPBN ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố Nguyễn Hữu Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Hữu Q đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại Anh Doãn Thế Á xin vắng mặt tại phiên tòa. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Á yêu cầu Q phải bồi thường số tiền 212.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho Q.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L: Ngày 03/02/2020 chị trả cho anh Á số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên toà chị L không yêu cầu bị cáo Q phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên Cáo trạng truy tố Nguyễn Hữu Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm a khoản 3, Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Q từ 07 năm 06 tháng tháng đến 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Q có trách nhiệm bồi thường cho bị hại anh Doãn Thế Á số tiền 212.000.000 đồng

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

- Ý kiến bị cáo: Bị cáo không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội để làm lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với không gian, phù hợp với thời gian, địa điểm, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Do khó khăn về tài chính, cần tiền để ăn tiêu, từ cuối năm 2013 đến giữa năm 2014, Nguyễn Hữu Q đã đưa ra thông tin gian dối là làm việc tại ngân hàng Vietcombank, chi nhánh tỉnh Bắc Ninh, có bố nuôi là ông Ích – giám đốc Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh tỉnh Bắc Ninh và có khả năng xin được việc cho anh Doãn Thế Đ, sinh năm 1990; HKTT: Thôn Yên Lâm, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đi làm tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Bắc Ninh làm cho chú anh Đ là anh Doãn Thế Á, sinh năm 1970; Thôn Yên Lâm, xã B, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh tin tưởng và giao tiền cho Q tất cả là 06 lần với tổng số tiền là 270.000.000 đồng. Tuy nhiên đến cuối năm 2014 bị cáo tự

ý thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình nên đã tự nguyện trả cho anh Á số tiền 30.000.000 đồng trước khi anh Á có đơn trình báo đến cơ quan Công an. Vậy, số tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Á là 240.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 240.000.000 đồng Q đã một mình chi tiêu hết.

Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Hữu Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 139 Bộ luật hình sự 1999. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra năm 2013, trước ngày bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, vì vậy áp dụng Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14, Bộ luật hình sự được áp dụng là Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Điều luật áp dụng là điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 nhưng để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt.

Vậy, cáo trạng truy tố số 40/CT-VKSTPBN ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Song do bản tính lười lao động, lại muốn có tiền nên bị cáo vẫn cố tình phạm tội.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nhằm khắc phục hậu quả đã gây ra; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bố đẻ, mẹ đẻ bị cáo là người có công giúp đỡ cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba và huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa, chống tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Doãn Thế Á đã được bồi thường số tiền 28.000.000 đồng và tiếp tục yêu cầu bị cáo Q bồi thường số tiền 212.000.000 đồng là phù hợp với quy định

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L vợ của bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Chị L không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 48; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Q có trách nhiệm bồi thường cho anh Doãn Thế Á số tiền 212.000.000 đồng.

Kể từ người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bán án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bắc Ninh;
- TAND tỉnh BN;
- THA dân sự TP Bắc Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thanh Ngọc